BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**
Số: 25 /QĐ-BNNMT	*Hà Nội, ngày 07tháng 01năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổ, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 78/2025/QH15 ngày 18/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Kết luận số 207-KL/TW ngày 10/11/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 22/10/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc;

Căn cứ Công điện số 150/CĐ-TTg ngày 29/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường truy xuất nguồn gốc, đảm bảo chất lượng và uy tín sản phẩm nông, lâm, thủy sản Việt Nam xuất khẩu;

Căn cứ Quyết định số 2815/QĐ-TTg ngày 28/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên triển khai ngay;

Căn cứ Kết luận số 133-KL/ĐU ngày 04/12/ 2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ về hoạt động truy xuất nguồn gốc các mặt hàng nông sản;

Căn cứ Kết luận số 224-KL/ĐU ngày 31/12/ 2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ về thống nhất đầu mối tổng hợp, tham mưu triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW; xây dựng Kế hoạch triển khai truy xuất nguồn gốc nông sản;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thuỷ sản giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 4164/QĐ-BNN-KHCN ngày 26/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Cục trưởng Cục Chuyển đổi số và Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: KHCN, Công Thương, Công an, Tài chính (để p/h);
- Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ (để thực hiện);
- Cổng thông tin điện tử của Bộ (để thực hiện);
- Lưu: VT, KHCN.

BỘ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Trần Đức Thắng

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng. năm. 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch triển khai truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thuỷ sản, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, PHẠM VI

1. Mục tiêu chung

a) Hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật, văn bản, tài liệu hướng dẫn truy xuất nguồn gốc của các sản phẩm, hàng hóa nông, lâm, thủy sản và vật tư nông nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là truy xuất nguồn gốc nông sản).

b) Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động truy xuất nguồn gốc (TXNG) nông sản nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, môi trường và chủ động hội nhập quốc tế.

c) Nâng cao nhận thức của toàn xã hội, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết, tính hiệu quả đối với TXNG nông sản thông qua việc đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến, đào tạo cho các bên liên quan.

d) Xây dựng, vận hành Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường để đưa vào sử dụng tập trung, xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, người sản xuất, người tiêu dùng nhằm bảo đảm công khai, minh bạch, cung cấp thông tin, kiến thức thiết yếu về truy xuất nguồn gốc.

đ) Xây dựng các mô hình chuỗi sản xuất, cung ứng sản phẩm nông lâm thủy sản đáp ứng đầy đủ các quy định về TXNG, chất lượng, an toàn thực phẩm theo Luật Chất lượng sản phẩm hang hóa sửa đổi; Luật An toàn thực phẩm và các quy định khác có liên quan.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến hết năm 2026

- Xây dựng và đưa vào sử dụng thí điểm Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản; trước tiên áp dụng với truy xuất nguồn gốc quả sầu riêng.

- Đến ngày 01/7/2026, đánh giá, hoàn thiện và đưa vào sử dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản đối với hầu hết các nông sản quan trọng làm thực phẩm, gồm dữ liệu thông tin tối thiểu: (i) Thông tin nông hộ tham gia chuỗi; (ii)

Thông tin vùng/cơ sở sản xuất và thời gian sản xuất, thu hoạch; (iii) Thông tin các khâu các khâu trong phạm vi kế hoạch; (iv) Thông tin về tem xác thực điện tử, tem truy xuất nguồn gốc và cơ chế tra cứu cơ bản và thực hiện truy xuất thông tin bằng mã QR hoặc vật mang dữ liệu thích hợp trên tem nhãn của sản phẩm.

- Xây dựng và ban hành chuẩn dữ liệu, trao đổi thông tin TXNG nông sản, áp dụng thống nhất toàn quốc.

- Thí điểm áp dụng nhật ký vùng trồng, nhật ký canh tác bao gồm kiểm soát nguyên liệu đầu vào (bao gồm: phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, hóa chất,...) đến hết năm 2026, cơ bản hoàn thành việc áp dụng TXNG đối với quả sầu riêng và các sản phẩm nông sản khác.

- Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu hướng dẫn, quy chế sử dụng nhằm đảm bảo cho các hoạt động về truy xuất nguồn gốc nông sản tại Bộ được khai thác, sử dụng hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

- Đầu tư hoặc thuê hệ thống, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản hoạt động ổn định, thông suốt, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin và đáp ứng các yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ.

- Thông tin, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của xã hội, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân về lợi ích và tầm quan trọng của truy xuất nguồn gốc nông sản gắn với an toàn thực phẩm.

b) Giai đoạn 2027 - 2030

- Nâng cấp, hoàn thiện các tính năng của Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản để cho phép ghi nhận, quản lý thông tin tại tất cả các khâu chính (vùng sản xuất– thu mua – sơ chế/đóng gói – vận chuyển – phân phối) và truy xuất thông tin bằng mã QR hoặc vật mang dữ liệu thích hợp trên tem nhãn của sản phẩm.

- Thiết lập hạ tầng kỹ thuật (máy chủ, đường truyền, an ninh mạng,...) và giải pháp số phục vụ truy xuất nguồn gốc: Đầu tư/thuê trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, thông suốt, an ninh, an toàn thông tin và đáp ứng các yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ.

- Kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia, Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc các địa phương và các hệ thống thông tin, CSDL quốc gia khác thành một hệ thống kết nối, liên thông hoàn chỉnh.

- Xây dựng, ban hành danh mục nhóm sản phẩm, hàng hóa nông sản chủ lực ưu tiên cần phải thực hiện truy xuất nguồn gốc, cập nhật vào hệ thống, hình thành chuỗi truy xuất nguồn gốc nông sản.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu hướng dẫn, quy chế sử dụng nhằm đảm bảo cho các hoạt động về truy xuất nguồn gốc nông sản tại Bộ được khai thác, sử dụng hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

- Hình thành và vận hành cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc tập trung, dùng chung trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ; bảo đảm

thu thập, chuẩn hóa, lưu trữ và quản trị dữ liệu truy xuất nguồn gốc (danh mục dùng chung, chất lượng dữ liệu, siêu dữ liệu, phân quyền truy cập, an toàn thông tin), phục vụ công tác quản lý nhà nước, kiểm tra, giám sát, thống kê và phân tích.

- Trên cơ sở dữ liệu đã được chuẩn hóa, triển khai các công cụ phân tích, tổng hợp, giám sát và cảnh báo sớm; hỗ trợ công tác quản lý, điều hành, phát hiện bất thường và rủi ro trong chuỗi cung ứng nông sản; ứng dụng các phương pháp phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) ở mức hỗ trợ, phục vụ truy vết, giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm và quản lý thị trường theo quy định.

- Tiếp tục thông tin, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của xã hội, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân về lợi ích và tầm quan trọng của truy xuất nguồn gốc nông sản gắn với an toàn thực phẩm.

c) Định hướng đến năm 2035

- Hoàn thiện Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ (phần cứng, phần mềm, CSDL); cập nhật vào hệ thống tất cả các sản phẩm, hàng hóa nông sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ, hình thành chuỗi truy xuất nguồn gốc hoàn chỉnh cho tất cả các sản phẩm, hàng hóa nông sản, vật tư nông nghiệp.

- Kết nối đồng bộ, thông suốt với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia, các hệ thống truy xuất của các địa phương và các hệ thống, CSDL quốc gia khác.

- Mở rộng cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp tham gia triển khai, áp dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, góp phần bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, nâng cao niềm tin của xã hội đối với chất lượng, an toàn thực phẩm và nguồn gốc xuất xứ của nông sản Việt Nam.

- Từng bước hình thành hệ sinh thái khai thác dữ liệu và ứng dụng số dựa trên dữ liệu truy xuất nguồn gốc, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số ngành nông nghiệp, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam.

3. Phạm vi

Việc triển khai Hệ thống truy xuất nguồn gốc trong Kế hoạch này được áp dụng đối với sản phẩm nông, lâm, thủy sản; vật tư nông nghiệp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, bao gồm các khâu sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển và tiêu thụ; ưu tiên áp dụng đối với nhóm sản phẩm chủ lực, sản phẩm có nguy cơ rủi ro cao, sản phẩm xuất khẩu và sản phẩm tham gia chuỗi cung ứng hiện đại.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHÍNH

1. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý, tài liệu hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc nông sản tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- Rà soát, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành trong các hoạt động liên quan đến truy xuất nguồn gốc.

- Nghiên cứu tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của các tổ chức quốc tế để xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tài liệu hướng dẫn chung về truy xuất nguồn gốc nông sản thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Ban hành tài liệu hướng dẫn áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc tích hợp với các quy định của các nước nhập khẩu, các quy định về sử dụng mã số vùng trồng, vùng nuôi, cơ sở đóng gói, chế biến; thống nhất, chuẩn hóa hình thức, nội dung thẻ, tem, nhãn hoặc định dạng bằng một phương thức thích hợp để truy xuất nguồn gốc; phương thức quản lý việc áp dụng mã truy vết; thông tin truy xuất nguồn gốc: vùng sản xuất, thông tin về cơ sở sản xuất, chế biến; thông tin về nguồn gốc xuất xứ nguyên vật liệu; thông tin về an toàn và chất lượng; yêu cầu, trách nhiệm đối với cơ sở sản xuất, gắn thẻ, nhãn hoặc định dạng bằng một phương thức thích hợp để truy xuất nguồn gốc, cũng như các bên liên quan.

- Rà soát, đánh giá kết quả sử dụng tem truy xuất nguồn gốc quả sầu riêng để làm cơ sở đề xuất tem truy xuất nguồn gốc nông sản.

- Phân công các nhiệm vụ cụ thể để triển khai Kế hoạch tại Phụ lục 1.

2. Xây dựng hoặc thuê dịch vụ, hạ tầng, trang thiết bị để triển khai Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản ngành nông nghiệp và môi trường

Việc triển khai Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản được thực hiện theo hình thức đầu tư hoặc thuê dịch vụ CNTT (Phụ lục 2), phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tiễn, nhằm bảo đảm tính linh hoạt, khả năng mở rộng, hiệu quả trong quản lý, vận hành và khai thác hệ thống. Trên cơ sở đánh giá kết quả triển khai, trường hợp cần thiết, nghiên cứu, đề xuất phương án đầu tư xây dựng hệ thống thông qua việc lập báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định.

Trên cơ sở đó, tổ chức thực hiện các nội dung sau:

- Thiết kế, xây dựng, mở rộng các công cụ TXNG điện tử, thông minh (mã số, mã vạch, QR code, Blockchain,…) và tạo lập kho cơ sở dữ liệu dùng chung trên cơ sở kết nối, tích hợp, đồng bộ các CSDL thành phần các cơ quan đơn vị thuộc Bộ, các bộ ngành và địa phương; nghiên cứu, thử nghiệm và từng bước ứng dụng AI trong Hệ thống TXNG phục vụ chuẩn hóa dữ liệu, phát hiện bất thường, cảnh báo rủi ro, hỗ trợ truy vết và tổng hợp báo cáo phục vụ quản lý; hình thành hệ thống TXNG đồng bộ, thống nhất để các cơ sở sản xuất, kinh doanh cập nhật thông tin, dữ liệu vào hệ thống, phục vụ việc quản lý, chia sẻ, truy vết thông tin, dữ liệu giữa các tác nhân trong chuỗi và cơ quan quản lý của Bộ.

- Triển khai, áp dụng chính thức Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Đầu tư hoặc thuê hệ thống, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo Hệ thống TXNG nông sản tại Bộ hoạt động ổn định, thông suốt, đáp ứng yêu cầu về an ninh, an toàn thông tin.

- Xây dựng, ban hành danh mục nhóm sản phẩm, hàng hóa nông, lâm, thủy sản chủ lực, ưu tiên cần phải thực hiện truy xuất nguồn gốc, cập nhật vào hệ thống,

hình thành chuỗi TXNG nông sản hoàn chỉnh. Đảm bảo kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

- Nghiên cứu, ứng dụng các nguồn dữ liệu khách quan (trong đó có dữ liệu viễn thám như ảnh viễn thám, UAV/drone, ảnh radar…) để hỗ trợ xác thực thông tin về vùng/cơ sở sản xuất theo khung thời gian, bổ sung bằng chứng độc lập cho hồ sơ, nhật ký sản xuất, chứng nhận và dữ liệu IoT/GPS.

- Kiểm soát, theo dõi các sản phẩm, hàng hóa nông sản đang đăng ký trên Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản, phục vụ thống kê, dự báo thị trường, theo dõi luồng di chuyển để kiểm soát chất lượng, tình trạng hoạt động của các cơ sở sản xuất kinh doanh đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Giải đáp thắc mắc, hỗ trợ kỹ thuật để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tham gia vào Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản được thuận lợi.

- Việc thiết kế, xây dựng, triển khai Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản bảo đảm tuân thủ Khung kiến trúc số Bộ Nông nghiệp và Môi trường (ban hành kèm theo Quyết định số 5445/QĐ-BNNMT ngày 17/12/2025) và đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin theo cấp độ theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực truy xuất nguồn gốc

- Hợp tác với các đối tác nước ngoài, tổ chức cấp mã số mã vạch quốc tế để tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, công nhận hệ thống và thừa nhận kết quả truy xuất nguồn gốc lẫn nhau.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế về truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thuỷ sản tại Việt Nam với sự tham gia của các bộ, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.

- Đề xuất chính sách nhằm ưu tiên, thu hút các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế cùng đầu tư xây dựng và phát triển trong các hoạt động liên quan đến truy xuất nguồn gốc.

- Thúc đẩy việc công nhận lẫn nhau giữa Việt Nam và các nước xuất khẩu, nhập khẩu đối với kết quả kiểm nghiệm sản phẩm nông sản do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thẩm quyền của mỗi bên thực hiện, nhằm giảm trùng lặp thủ tục, rút ngắn thời gian thông quan và tạo thuận lợi cho xuất khẩu, nhập khẩu.

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức kiểm nghiệm được công nhận của nước nhập khẩu nông sản từ Việt Nam, chuyển giao kỹ thuật và phối hợp kiểm nghiệm các sản phẩm nông sản xuất khẩu, bảo đảm kết quả phù hợp tiêu chuẩn và quy định của thị trường nhập khẩu.

4. Tuyên truyền, phổ biến và đào tạo, tập huấn trong các hoạt động truy xuất nguồn gốc

- Tổ chức tuyên truyền, quảng bá, nâng cao nhận thức của xã hội về truy

xuất nguồn gốc theo chỉ đạo của Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Bộ thông qua các hội nghị, hội thảo, Cổng thông tin điện tử của Bộ và các phương tiện truyền thông khác.

- Phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam (VTV) và các cơ quan báo chí trung ương, địa phương tổ chức các hoạt động truyền thông về TXNG nông sản; xây dựng chuyên mục, phóng sự, tọa đàm, chương trình truyền hình và các sản phẩm truyền thông đa phương tiện nhằm tuyên truyền, phổ biến lợi ích, vai trò, trách nhiệm của các bên tham gia Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản; hướng dẫn nhận diện và tra cứu thông tin TXNG nông sản.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, phổ biến, tập huấn nhằm tăng cường kỹ năng nhận diện sản phẩm an toàn, chất lượng và chuỗi giá trị cho tổ chức, doanh nghiệp, người tiêu dùng.

- Tổ chức tuyên truyền, quảng bá, hội thảo, hội nghị giúp các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp sản suất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và người tiêu dùng nhận thức rõ về lợi ích của việc công khai, minh bạch thông tin, truy vết thông tin sản phẩm hàng hóa nông sản.

- Phổ biến các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tài liệu để hướng dẫn doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, đơn vị cung cấp dịch vụ giải pháp trong việc xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc, in ấn, phát hành, quản lý và sử dụng thẻ truy xuất nguồn gốc; chuẩn hóa, minh bạch thông tin truy xuất nguồn gốc.

III. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện được đảm bảo từ các nguồn: Ngân sách nhà nước; vốn viện trợ, tài trợ trong nước và quốc tế; vốn của tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân theo quy định; các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Trong đó, nguồn ngân sách nhà nước được sử dụng để: Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý, tài liệu hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc; chuẩn hóa/thuê/nâng cấp và mở rộng hệ thống Truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống được ổn định, thông suốt, an ninh an toàn thông tin.

2. Việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan thường trực, trực tiếp tham mưu cho Lãnh đạo Bộ để chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, tổng hợp, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch; đầu mối tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện và tham mưu chỉ đạo, tổ chức thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên ngành trong việc triển khai các hoạt động liên quan về TXNG nông sản; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn TXNG nông sản.

- Chủ trì, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm cho các hoạt động liên quan đến truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường được triển khai, thực hiện đồng bộ, thống nhất và đúng quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước liên quan đến công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về truy xuất nguồn gốc của Việt Nam và quốc tế để hoàn thiện hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Chủ trì, phối hợp với Cục Chuyển đổi số, các đơn vị liên quan thuộc Bộ tham mưu giải pháp xây dựng, thiết lập hoặc thuê dịch vụ, hạ tầng, trang thiết bị, quản lý, vận hành Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc thiết kế, triển khai chức năng kỹ thuật phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ, tiêu chí dữ liệu truy xuất nguồn gốc.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, lập báo cáo trình Bộ theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu về tình hình triển khai, thực hiện Đề án theo Quyết định 100/QĐ-TTg tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Bộ trưởng.

2. Cục Chuyển đổi số

- Phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ tham mưu giải pháp xây dựng, mở rộng, thiết lập hoặc thuê dịch vụ, hạ tầng, trang thiết bị, quản lý, vận hành Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến duy trì, vận hành Hệ thống gồm: Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật; duy trì hệ thống hoạt động ổn định, thông suốt, đáp ứng yêu cầu về an ninh an toàn thông tin;

- Là đầu mối phối hợp thực hiện với các đơn vị ngoài Bộ trong việc tiếp nhận chuyển giao công nghệ; kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia, Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc của các địa phương và các hệ thống thông tin khác.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và duy trì vận hành ổn định hệ thống theo quy định.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Bộ trưởng.

3. Vụ Kế hoạch-Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Bộ cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Bộ trưởng.

4. Các Cục quản lý chuyên ngành

- Xây dựng kế hoạch cụ thể và bố trí nguồn lực để tổ chức triển khai truy

xuất nguồn gốc hàng nông sản thuộc lĩnh vực được giao quản lý, bảo đảm đến 01/7/2026 đưa vào sử dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản đối với sản phẩm tham gia thí điểm.

- Phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ, Cục Chuyển đổi số trong việc xây dựng, quản lý, vận hành, sử dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Chủ trì rà soát, đề xuất danh mục sản phẩm, hàng hoá nông sản thuộc phạm vi quản lý bắt buộc hoặc ưu tiên thực hiện truy xuất nguồn gốc; đề xuất lộ trình áp dụng theo từng nhóm sản phẩm, hàng hoá; gửi Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, phối hợp Cục Chuyển đổi số để tích hợp, triển khai trên Hệ thống truy xuất nguồn gốc.

- Thông tin, tuyên truyền, phổ biến các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch và các hoạt động truy xuất nguồn gốc đến các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý.

- Triển khai và hướng dẫn thực hiện các quy định của văn bản quy phạm pháp luật và quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa nông sản, vật tư nông nghiệp thuộc lĩnh vực được giao quản lý.

- Trực đường dây nóng, giải đáp thắc mắc, hỗ trợ kỹ thuật để hệ thống hoạt động hiệu quả, đúng quy định.

- Phối hợp quản lý, giám sát và xử lý vi phạm trong hoạt động truy xuất nguồn gốc đối với những sản phẩm, hàng hóa nông sản, vật tư nông nghiệp thuộc thẩm quyền

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về truy xuất nguồn gốc, kiểm tra an toàn thực phẩm tại các vùng sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, trồng trọt, các cơ sở sơ chế, chế biến, bao gói thực phẩm tiêu thụ trong nước, xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật an toàn thực phẩm.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Bộ trưởng.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh/thành phố

Chủ trì tham mưu UBND cấp tỉnh tổ chức triển khai Kế hoạch tại địa phương; phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia Hệ thống truy xuất nguồn gốc; phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện TXNG theo phân cấp, phân quyền và theo quy định; tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai và kiến nghị, đề xuất

6. Tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ

- Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về TXNG. Chủ động áp dụng quy trình TXNG đầy đủ, được chứng nhận của các cơ quan có thẩm quyền.

- Chủ động, tích cực tham gia, phối hợp xây dựng, vận hành, sử dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Đề xuất, phản ánh với cơ quan chức năng có thẩm quyền những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản tại Bộ để được hướng dẫn và hỗ trợ kịp thời.

- Chấp hành và phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động truy xuất nguồn gốc tại đơn vị.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường yêu cầu Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan nghiêm túc triển khai, thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, có khó khăn, vướng mắc cần kịp thời, chủ động phản ánh, báo cáo Bộ (qua Vụ Khoa học và Công nghệ) để tổng hợp, trình lãnh đạo Bộ xem xét quyết định./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Phụ lục I:

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên nhiệm vụ	Phân công		Thời gian thực hiện
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
I	**Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý, tài liệu hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc nông lâm thủy sản tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường**			
1.	Rà soát, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành trong các hoạt động liên quan đến truy xuất nguồn gốc	Các Cục chuyên ngành; Cục Chuyển đổi số	Vụ Khoa học và Công nghệ; Vụ Pháp chế	2026-2030
2.	Nghiên cứu tiêu chuẩn, quy định của các tổ chức quốc tế để xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tài liệu hướng dẫn chung về truy xuất nguồn gốc, ưu tiên nhóm sản phẩm nông, lâm, thủy sản có mức độ rủi ro cao thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Vụ Khoa học và Công nghệ	Các Cục chuyên ngành; Cục Chuyển đổi số	Hàng năm
3.	Ban hành Tài liệu hướng dẫn áp dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản.	Cục Chuyển đổi số	Các Cục chuyên ngành; Vụ Khoa học và Công nghệ	2026
4.	Rà soát, đánh giá kết quả sử dụng tem truy xuất nguồn gốc quả sầu riêng để làm cơ sở đề xuất tem truy xuất nguồn gốc nông sản	Vụ Khoa học và Công nghệ	Các Cục chuyên ngành	2026
II	**Xây dựng hoặc thuê dịch vụ hệ thống, hạ tầng, trang thiết bị,.. để triển khai, ứng dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản ngành nông nghiệp và môi trường**			

TT	Tên nhiệm vụ	Phân công		Thời gian thực hiện
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
1	Rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng CNTT, nền tảng dùng chung và khả năng đáp ứng của các Trung tâm dữ liệu hiện có của Bộ; trên cơ sở đó đề xuất phương án triển khai Hệ thống, phương án dự phòng, bảo đảm tối ưu nguồn lực, an toàn thông tin theo cấp độ và khả năng mở rộng.	Cục Chuyển đổi số	Vụ Khoa học và Công nghệ; các Cục chuyên ngành	2026
2.	Xây dựng và trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt "nhiệm vụ đầu tư hoặc thuê dịch vụ CNTT triển khai Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản"; xác định phạm vi dịch vụ thuê, yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu an toàn thông tin, tiến độ triển khai, phương thức lựa chọn nhà cung cấp và trách nhiệm các bên liên quan.	Vụ Khoa học và Công nghệ	Cục Chuyển đổi số, Vụ Kế hoạch – Tài chính; Các Cục chuyên ngành	2026
3.	Đầu tư hoặc thuê dịch vụ xây dựng, mở rộng, triển khai, duy trì vận hành, bảo hành, bảo trì, hỗ trợ, đào tạo cho hệ thống truy xuất nguồn gốc và tạo lập kho cơ sở dữ liệu dùng chung trên cơ sở kết nối, tích hợp, đồng bộ các CSDL thành phần các cơ quan đơn vị thuộc Bộ, các bộ ngành và địa phương; nghiên cứu, thử nghiệm và từng bước ứng dụng AI trong Hệ thống TXNG phục vụ chuẩn hóa dữ liệu, phát hiện bất thường, cảnh báo rủi ro, hỗ trợ truy vết và tổng hợp báo cáo phục vụ quản lý; hình thành nên hệ thống truy xuất nguồn gốc đồng bộ, thống nhất để các cơ sở sản xuất, kinh doanh cập nhật thông tin, dữ liệu vào hệ thống, phục vụ việc quản lý, chia sẻ, truy vết thông tin, dữ liệu giữa các tác nhân trong chuỗi và cơ quan quản lý của Bộ.	Cục Chuyển đổi số	Vụ Khoa học và Công nghệ; Vụ Kế hoạch – Tài chính; các Cục chuyên ngành	2026-2030
4.	Triển khai, áp dụng chính thức Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản traceviet.mae.gov.vn	Các Cục chuyên ngành	Cục Chuyển đổi số; Vụ Khoa học và Công nghệ	2026-2027
5.	Đầu tư hoặc thuê dịch vụ hệ thống, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo hệ thống truy xuất nguồn gốc nông lâm thủy sản tại Bộ hoạt động ổn định, thông	Cục Chuyển đổi số	Vụ Kế hoạch-Tài chính; Các	2026-2030

TT	Tên nhiệm vụ	Phân công		Thời gian thực hiện
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
	suốt, đáp ứng yêu cầu về an ninh, an toàn thông tin.		Cục chuyên ngành	
6.	Thí điểm tích hợp dữ liệu viễn thám phục vụ xác thực vùng sản xuất theo thời gian đối với một số sản phẩm, vùng thí điểm; xây dựng tiêu chí kỹ thuật, quy trình khai thác và chia sẻ dữ liệu.	Cục Chuyển đổi số	Cục Viễn thám quốc gia; Vụ KHCN; Các Cục chuyên ngành; Sở NNMT các địa phương	2026-2027
7.	Xây dựng, ban hành danh mục nhóm sản phẩm, hàng hóa nông lâm thủy sản chủ lực, ưu tiên cần phải thực hiện truy xuất nguồn gốc, cập nhật vào hệ thống, hình thành chuỗi truy xuất nguồn gốc nông lâm thủy sản hoàn chỉnh. Bảo đảm kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.	Các Cục chuyên ngành	Cục Chuyển đổi số; Vụ Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
8.	Kiểm soát, theo dõi các sản phẩm, hàng hóa nông sản đang đăng ký trên Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản, phục vụ thống kê, dự báo thị trường, theo dõi luồng di chuyển để kiểm soát chất lượng, tình trạng hoạt động của các cơ sở sản xuất kinh doanh đủ điều kiện an toàn thực phẩm.	Các Cục chuyên ngành	Cục Chuyển đổi số; Vụ Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
9.	Giải đáp thắc mắc, hỗ trợ kỹ thuật cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tham gia triển khai, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc nông lâm thủy sản được thuận lợi	Các Cục chuyên ngành	Cục Chuyển đổi số; Vụ Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
III	**Thúc đẩy hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực truy xuất nguồn gốc**			
1.	Hợp tác với các đối tác nước ngoài, tổ chức cấp mã số mã vạch quốc tế để tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, công nhận hệ thống và thừa nhận kết quả truy xuất nguồn gốc lẫn nhau	Vụ Hợp tác quốc tế	Các Cục chuyên ngành; Cục Chuyển đổi số; Vụ Khoa học và Công nghệ	Hàng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Phân công		Thời gian thực hiện
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
2.	Tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế về truy xuất nguồn gốc tại Việt Nam với sự tham gia của các bộ, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân	Vụ Khoa học và Công nghệ	Vụ Hợp tác quốc tế; Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Các Cục chuyên ngành	Hàng năm
3.	Đề xuất chính sách nhằm ưu tiên, thu hút các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế cùng đầu tư xây dựng và phát triển Hệ thống truy xuất nguồn gốc	Vụ Khoa học và Công nghệ	Vụ Hợp tác quốc tế; Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Các Cục chuyên ngành	Hàng năm
4.	Thúc đẩy việc công nhận lẫn nhau giữa Việt Nam và các nước xuất khẩu, nhập khẩu đối với kết quả kiểm nghiệm sản phẩm nông sản do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thẩm quyền của mỗi bên thực hiện, nhằm giảm trùng lặp thủ tục, rút ngắn thời gian thông quan và tạo thuận lợi cho xuất khẩu, nhập khẩu	Vụ Khoa học và Công nghệ	Vụ Hợp tác quốc tế; Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Các Cục chuyên ngành	Hàng năm
5.	Tăng cường hợp tác với các tổ chức kiểm nghiệm được công nhận của nước nhập khẩu nông sản từ Việt Nam, chuyển giao kỹ thuật và phối hợp kiểm nghiệm các sản phẩm nông sản xuất khẩu, bảo đảm kết quả phù hợp tiêu chuẩn và quy định của thị trường nhập khẩu	Vụ Khoa học và Công nghệ	Vụ Hợp tác quốc tế; Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Các Cục chuyên ngành	Hàng năm
IV	**Tuyên truyền, phổ biến và đào tạo, tập huấn trong các hoạt động truy xuất nguồn gốc**			
1.	Tổ chức tuyên truyền, quảng bá, nâng cao nhận thức của xã hội về lợi ích và tầm quan trọng của truy xuất nguồn gốc theo chỉ đạo của Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Bộ thông qua các hội nghị, hội thảo, Cổng	Vụ Khoa học và Công nghệ	Cục Chuyển đổi số; Vụ Tổ chức cán bộ; Các Cục chuyên ngành	Hàng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Phân công		Thời gian thực hiện
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
	thông tin điện tử của Bộ và các phương tiện truyền thông khác			
2.	Tổ chức hội nghị, phổ biến, tập huấn nhằm tăng cường kỹ năng nhận diện sản phẩm an toàn, chất lượng và chuỗi giá trị cho tổ chức, doanh nghiệp, người tiêu dùng	Các Cục chuyên ngành	Cục Chuyển đổi số; Vụ Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
3.	Tổ chức tuyên truyền, quảng bá, hội thảo, hội nghị giúp các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp sản suất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và người tiêu dùng nhận thức rõ về lợi ích của việc công khai, minh bạch thông tin, truy vết thông tin sản phẩm hàng hóa nông sản	Các Cục chuyên ngành	Cục Chuyển đổi số; Vụ Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
4.	Phổ biến các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tài liệu để hướng dẫn doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, đơn vị cung cấp dịch vụ giải pháp trong việc xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc, in ấn, phát hành, quản lý và sử dụng thẻ truy xuất nguồn gốc; chuẩn hóa, minh bạch thông tin truy xuất nguồn gốc	Vụ Khoa học và Công nghệ	Các Cục chuyên ngành; Cục Chuyển đổi số	Hàng năm
5.	Xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông về truy xuất nguồn gốc nông sản trên các nền tảng của Báo Nông nghiệp và Môi trường; tổ chức chuyên trang/chuyên mục, sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện (tin/bài, infographic, video, tọa đàm…) nhằm phổ biến lợi ích, tầm quan trọng của truy xuất nguồn gốc; hướng dẫn nhận diện và tra cứu thông tin truy xuất (mã QR/vật mang dữ liệu); tuyên truyền mô hình, cách làm hiệu quả tại địa phương, doanh nghiệp; đồng thời công bố kênh hỗ trợ, giải đáp, tổng hợp các vướng mắc phổ biến để truyền thông khuyến cáo, định hướng thực hiện thống nhất	Vụ Khoa học và Công nghệ	Văn phòng Bộ; Cục Chuyển đổi số; Các Cục chuyên ngành	Hàng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Phân công		Thời gian thực hiện
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
6.	Phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam (VTV) và các cơ quan báo chí trung ương, địa phương tổ chức tuyên truyền về truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản; xây dựng, phát sóng các chương trình, phóng sự, tọa đàm, chuyên đề truyền hình nhằm lan tỏa thông tin chính thống, nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp và xã hội về truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm và nguồn gốc xuất xứ nông sản.	Vụ Khoa học và Công nghệ	Đài Truyền hình Việt Nam (VTV); Văn phòng Bộ; Cục Chuyển đổi số; Các Cục chuyên ngành	Hàng năm

Phụ lục II:

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI HỆ THỐNG TXNG NÔNG SẢN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. QUY MÔ, NỘI DUNG

1. Nhiệm vụ cung cấp Hệ thống TXNG nông sản

- Nhiệm vụ cung cấp, vận hành hệ thống phần mềm Truy xuất nguồn gốc nông sản tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn quốc, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Hệ thống phần mềm TXNG bao gồm các phân hệ chức năng phục vụ các nhóm đối tượng:

+ Cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị chuyên môn trực thuộc);

+ Cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương;

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, hộ nông dân;

+ Người tiêu dùng tra cứu thông tin truy xuất nguồn gốc;

- Hệ thống phần mềm TXNG hỗ trợ quản lý vòng đời sản phẩm, lô hàng, nhật ký sản xuất, chế biến, vận chuyển, xuất khẩu;

- Cung cấp các chức năng thống kê, báo cáo, phân tích dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước;

- Hỗ trợ tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu theo chuẩn mở (API) với các hệ thống thông tin, CSDL liên quan theo quy định.

2. Nhiệm vụ triển khai hạ tầng kỹ thuật và lưu trữ dữ liệu

- Hạ tầng máy chủ, lưu trữ, mạng và các thành phần kỹ thuật cần thiết để vận hành hệ thống TXNG;

- Bảo đảm khả năng xử lý đồng thời số lượng lớn người dùng và truy cập;

- Đáp ứng yêu cầu dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm tính sẵn sàng và liên tục của hệ thống;

- Cho phép mở rộng linh hoạt tài nguyên hạ tầng theo nhu cầu thực tế.

3. Nhiệm vụ vận hành, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật

- Vận hành hệ thống 24/7, giám sát tình trạng hoạt động, hiệu năng và an toàn hệ thống;

- Bảo trì, cập nhật, nâng cấp phần mềm theo yêu cầu nghiệp vụ và quy định mới;

- Hỗ trợ kỹ thuật cho người sử dụng ở Trung ương và địa phương;

- Đảm bảo các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ (SLA) theo thỏa thuận.

4. Nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin

- Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống TXNG theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện quản lý truy cập, phân quyền người dùng, bảo vệ dữ liệu;

- Giám sát, phát hiện và xử lý các sự cố mất an toàn thông tin;

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ trong quá trình cung cấp dịch vụ.

5. Nhiệm vụ đào tạo, hướng dẫn và hỗ trợ triển khai

- Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý, doanh nghiệp, hợp tác xã và các đối tượng liên quan;

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng, tài liệu kỹ thuật;

- Hỗ trợ triển khai, hướng dẫn sử dụng hệ thống tại các địa phương và đơn vị tham gia.

II. Dự toán kinh phí thực hiện

Hàng năm, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định./.